**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/**  **Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá** (4-11) | | | | | | | | | | | **Tổng % điểm** (12) | |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  | |
| **1** | **Hàm số và đồ thị** | ***Hàm số và đồ thị*** |  | |  | |  |  |  |  |  |  | **1,5đ = 15%** | |
| ***Hàm số bậc nhất  y = ax + b* (*a* ≠ *0*) *và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng y = ax + b* (*a* ≠ *0*).** | 2 | |  | | 2 |  |  | 1 |  |  |
| **2** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại,  tổ chức dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** |  | |  | |  |  |  | 1 |  |  | **2,5đ= 25%** | |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | 3 | |  | | 3 |  |  |  |  |  |
| **3** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | 3 | |  | | 3 |  |  |  |  |  | **1,5đ= 15%** | |
| **4** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Mô tả xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó*** | 6 | |  | |  |  |  | 1 |  |  | **2đ= 20%** | |
| **5** | ***Định lí Thalès trong tam giác*** | ***Định lí Thalès trong tam giác*** | 2 | |  | | 4 |  |  |  |  | 1 | **2,5đ= 25%** | |
| **Tổng** | | | | **16**  **(4,0 đ)** | |  | **12**  **(3,0 đ)** |  |  | **3**  **(2,0 đ)** |  | **1**  **(1,0 đ)** | **32**  **(10 đ)** | |
| **Tỉ lệ %** | | | | **40%** | | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70%** | | | | | **30%** | | | |  | |

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN -LỚP 8 KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Hàm số và đồ thị** | ***Hàm số và đồ thị*** |  |  |  |  |  |
| ***Hàm số bậc nhất  y = ax + b* (*a* ≠ *0*) *và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng y = ax + b* (*a* ≠ *0*).** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0). | 1,2 (TN) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0).  – Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước. |  | 3,4 (TN) |  |  |
| **Vận dụng:**  – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0).  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...). |  |  | 29  ( TL) |  |
| **Vận dụng cao:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán ***(phức hợp, không quen thuộc)*** thuộc có nội dung thực tiễn. |  |  |  |  |
| 2 | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại,  tổ chức dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** | **Vận dụng:**  – Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, *Internet*; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...). |  |  | 30(TL) |  |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví dụ đơn giản. | 5,6,7 (TN) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác |  | 8,9,10 (TN) |  |  |
| **Vận dụng:**  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).  – So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. |  |  |  |  |
| 3 | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 8, Khoa học tự nhiên lớp 8,...) và trong thực tiễn. | 11,12,13 (TN) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*). |  |  | 14,15, 16  (TN) |  |
| **Vận dụng:**  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*). |  |  |  |  |
| **4** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Mô tả xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản. | 17,18,19,20,21,22  (TN) |  |  |  |
| **Vận dụng:**  – Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. |  |  | 31  (TL) |  |
| **5**  **4** | ***Định lí Thalès trong tam giác*** | ***Định lí Thalès trong tam giác*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác. | 23, 24  (TN) |  |  |  |
| **Thông hiểu**  - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó).  – Giải thích được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo).  – Giải thích được tính chất đường phân giác trong của tam giác. |  | 25,26,  27,28  (TN) |  |  |
| **Vận dụng:**  – Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng định lí Thalès |  |  |  | 32  (TL) |
| **Tổng** | | |  | 16 | 12 | 3 | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 40% | 30% | 20% | 10% |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | 70% | | 30% | |

**ĐỀ 1**

**I/ TRẮC NGHIỆM: (7điểm) Em hãy chọn một đáp án đúng nhất trong bốn đáp án ở mỗi câu sau:**

**BCâu 1:** Hàm số y = 3x + 2 có hệ số góc là:

A. 3 B. 2 C. – 3 D. 5

**BCâu 2:** Hàm số y = 21- 6x có hệ số góc là:

A. 6 B. 21 C. – 6 D. -21

**HCâu 3 :** Cho hai đường thẳng d1: y = mx+3  và d2: y = 4−3x. Để d1 và d2  song song với nhau thì m bằng:

A. 3 B. 4 C. – 3 D. 1

**H Câu 4:**Cho ba đường thẳng d1: y = 2x+3; d2: y = 2x+1 và d3: y = 3x-1, ta có:

A.d­1 và d2 cắt nhau B. d1 và d3 song song nhau

C. d2 và d3 song song nhau D. d1 và d2 song song nhau

**B**[**Câu 5**](https://loigiaihay.com/bai-tap-150791.html)**:**Cho bảng thống kê số lượng học sinh từng lớp ở khối 8 của một trường THCS dự kiểm tra học kì I môn Toán. Số liệu không hợp lí ở bảng là:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Số học sinh tham dự** |
| 8A | 40 | 40 |
| 8B | 41 | 40 |
| 8C | 43 | 39 |
| 8D | 44 | 50 |

A.Số học sinh dự kiểm tra lớp 8A

B.Số học sinh dự kiểm tra lớp 8B

C.Số học sinh dự kiểm tra lớp 8C

D. Số học sinh dự kiểm tra lớp 8D

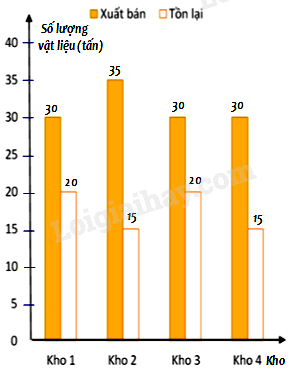
**B**[**Câu 6**](https://loigiaihay.com/bai-tap-149309.html) **:**Một công ty kinh doanh vật liệu xây dựng có tất cả 50 tấn hàng chứa ở bốn kho. Kế toán của công ty lập biểu đồ cột kép ở hình bên biểu diễn số lượng vật liệu đã xuất bán và số lượng vật liệu còn tồn lại trong mỗi kho sau tuần lễ kinh doanh đầu tiên.Kế toán đã ghi nhầm số liệu của một kho trong biểu đồ cột kép đó. Theo em, kế toán đã ghi nhầm số liệu ở kho nào ?

A. Kho 1

B. Kho 2

C. Kho 3

D. Kho 4



**Câu 7:** Một cửa hàng bán quần áo thời trang đang mở một chương trình khuyến mãi trong vòng 4 ngày, biết rằng số sản phẩm bán được mỗi ngày đều tăng 20% so với ngày trước đó. Nhân viên bán hàng đã thống kê số sản phẩm bán được mỗi ngày như bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Số sản phẩm bán được | 50 | 60 | 72 | 87 |

Em hãy chọn phát biểu **đúng**.

A. Nhân viên đã thống kê sai ngày thứ hai. B. Nhân viên đã thống kê sai ngày thứ ba.

C. Nhân viên đã thống kê sai ngày thứ tư. **D**. Nhân viên đã thống kê chính xác.

**H** [**Câu 8**](https://loigiaihay.com/bai-tap-156066.html)**:** Thống kê số lớp của một trường THCS được cho trong bảng sau:

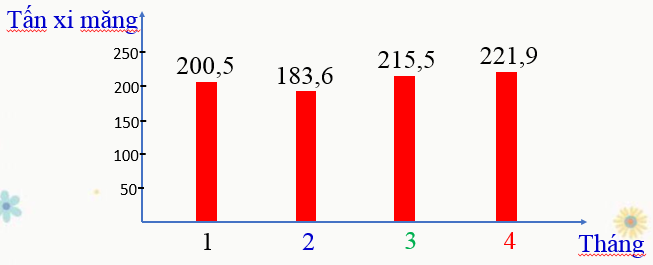
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | 6 | 7 | 8 | 9 |
| **Số lớp** | 9 | 8 | 7 | 8 |

Biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê trên là:

**A.** Biểu đồ hình quạt tròn và biểu đồ đoạn thẳng. **B.** Biểu đồ hình quạt tròn.

**C.** Biểu đồ cột kép.  **D.** Biểu đồ cột và biểu đồ đoạn thẳng.

**HCâu 9:** Dựa vào biểu đồ ta có số tấn xi măng bán được của một cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng các tháng 1;2;3;4 lần lượt là:

A. 221,9 tấn; 215,5 tấn; 200,5 tấn;  183,6 tấn

B. 183,6 tấn; 200,5 tấn; 215,5 tấn; 221,9 tấn

C. 221,9 tấn;  215,5 tấn; 183,6 tấn; 200,5 tấn.

D. 200,5 tấn; 183,6 tấn; 215,5 tấn; 221,9 tấn

**HCâu 10:** Thống kê tỉ lệ % học sinh lớp 8B chọn môn thể thao yêu thích (mỗi em chọn 1 môn), được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn thể thao** | **Bóng đá** | **Cầu lông** | **Bóng chuyền** | **Bóng bàn** |
| Tỉ lệ % | 50% | 25% |  |  |

Biểu đồ thích hợp để biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê trên là

**A.** Biểu đồ cột và biểu đồ đoạn thẳng  **B.** Biểu đồ hình quạt tròn

**C.** Biểu đồ cột  **D.** Biểu đồ đoạn thẳng

**BCâu 11.** Thống kê môn thể thao yêu thích của học sinh lớp 8C (mỗi em chọn một môn), được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Môn thể thao** | **Nam** | **Nữ** | **Chênh lệch** |
| Bóng đá | 16 | 2 | 14 |
| Bóng chuyền | 3 | 2 | 1 |
| Cầu lông | 3 | 5 | 2 |
| Bóng bàn | 3 | 3 | 0 |

Môn thể thao chênh lệch giữa nam và nữ nhiều nhất là

A. Bóng bàn B. Bóng chuyền C. Bóng đá D. Cầu lông

**BCâu 12.** Thống kê số lớp của 4 trường THCS trong 1 huyện năm học 2022-2023, được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trường** | THCS A | THCS B | THCS C | THCS D |
| **Số lớp** | 25 | 20 | 28 | 18 |

Số lớp học của hai trường THCS C và trường THCS D nhiều hơn trường THCS A là bao nhiêu lớp ?

A.  B.  C.  D. 

**BCâu 13.** Bảng thống kê sau cho biết sự lựa chọn của 120 học sinh về bốn loại trang trí bìa bao tập vở.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại trang trí** | Màu sắc trơn | Ảnh động vật | Ảnh cây cảnh | Trang trí hoạ tiết |
| **Tỉ số %** | 30% | 5% | 10% | 55% |

Loại bìa bao tập vở có trang trí hoạ tiết có bao nhiêu học sinh chọn ?

A. 50 học sinh B. 55 học sinh C. 60 học sinh D. 66 học sinh

**HCâu 14.** Thống kê xếp loại học lực của học sinh lớp 8B được cho trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại học lực** | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt |
| **Số học sinh** | 10 | 15 | 10 | 5 |

Số học sinh học lực chưa đạt chiếm bao nhiêu % của cả lớp ?

A.  B.  C.  D. 

**HCâu 15.** Thống kê tỉ lệ % kết quả cuối năm của lớp 8A được trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại học lực** | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt |
| **Tỉ lệ %** |  | 30% | 50% |  |

Kết quả học sinh xếp loại khá nhiều hơn số học sinh xếp loại chưa đạt là bao nhiêu % ?

A.  B.  C.  D. 

**HCâu 16.** Thống kê số môn thể thao yêu thích của học sinh lớp 8A được cho bởi bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn thể thao** | **Số học sinh** |
| 1 | Bóng đá | 15 |
| 2 | Cầu lông | 10 |
| 3 | Bóng chuyền | 10 |
| 4 | Bóng bàn | 5 |

Số học sinh thích bóng đá chiếm bao nhiêu % số học sinh cả lớp?

A.  B.  C.  D. 

**BCâu 17:** Gieo ngẫu nhiên một xúc xắc, khi số lần gieo con xúc xắc ngày càng lớn thì xác suất thực nghiệm của biến cố: “Mặt xuất hiện là số nguyên tố” rất gần với số nào?

A. B. C. D.

**BCâu 18:** Một hộp có 2 bóng xanh, 3 bóng đỏ và 5 bóng vàng. Các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. An lấy ra một quả rồi lại bỏ vào hộp. Cứ như vậy, sau số lần lấy rất lớn thì xác suất thực nghIệm của biến cố: “Lấy được quả màu vàng” rất gần với số nào?

A. B. C. D.

**B**[**Câu 19**](https://loigiaihay.com/bai-tap-156068.html)**:** Tung đồng xu 1 lần. Xác suất của biến cố “ Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” là:

A. B. C. D.

**B**[**Câu 20**](https://loigiaihay.com/bai-tap-156068.html)**:** Bạn Thảo tung đồng xu 15 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt N. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện đồng xu là mặt S” là:

A. B. C. D.

**BCâu 21:** Gieo ngẫu nhiên xúc xắc 30 lần thì có 4 lần xuất hiện mặt hai chấm, 5 lần xuất hiện mặt bốn chấm, 6 lần xuất hiện mặt sáu chấm. Xác suất thực nghiệm của biến cố: “Xuất hiện mặt có số chấm chẵn” là:

A. B. C. D.

**B Câu 22**: Một đĩa tròn bằng bìa cứng được chia làm 8 phần bằng nhau và ghi các số 1,2,3,4,5,6,7,8, chiếc kim được gắn cố định vào trục quay ở tâm của đĩa. Xác suất của biến cố “ Mặt xuất hiện của biến cố là số lẻ” khi quay đĩa là:

A. B. C. D.

**BCâu 23 :**Chọn câu đúng.

A.Đường trung bình của tam giác  là đường thẳng nối đỉnh đến cạnh của tam giác.

B.Đường trung bình của tam giác là đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác.

C. Đường trung bình của tam giác là đường thẳng nối hai điểm trên hai cạnh của  tam giác.

D.Đường trung bình của tam giác là đường thẳng nối từ một đỉnh đến trung điểm cạnh đối diện.

C

B

A

N

P

M

Q

**BCâu 24:** Đoạn thẳng nào là đường trung bình của tam giác ABC?

A . MN B. NP

C . MQ D. PQ

**HCâu 25:** Cho ΔABC. Gọi I, K lần lượt là trung điểm của AB và AC. Biết AB= 5cm; AC = 6 cm,   
BC = 7 cm. Ta có:

A. IK = 4 cm B. IK = 2,5 cm C. IK = 3,5 cm D. IK = 3 cm

**H Câu 26 :**Cho tam giác MNP. Gọi A, B theo thứ tự là trung điểm của NP, MN. Biết AB = 3dm. Ta có:

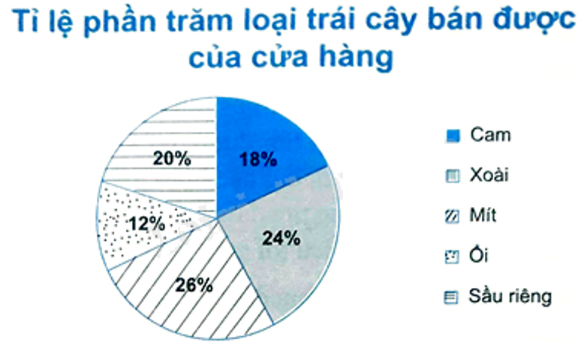
A.MP = 6dm B. MN = 5,5dm C. NP = 3dm D. MP = 1,5dm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HCâu 27.** Cho hình vẽ: Khẳng định nào sau đây là đúng?  **A.**   **B.**  **C.**   **D.** |  | | |
| **HCâu 28:** Cho hình vẽ, biết . Hãy chọn khẳng định đúng    A.  B.  C.  D. | | |  |

**II. TỰ LUẬN ( 3đ)**

**[Câu 1](https://loigiaihay.com/bai-tap-156086.html) ( 0.5đ):**Vẽ đồ thị hàm số y = 2x – 1 trên mặt phẳng toạ độ

**Câu 2(1đ):** Biểu đồ dưới đây cho biết tỉ lệ mỗi loại trái cây bán được của một cửa hàng.

****

**a/** Hãy chuyển đổi dữ liệu từ biểu đồ trên sang dạng bảng thống kê theo mẫu sau: *(vẽ lại bảng và điền vào vị trí dấu ?)*

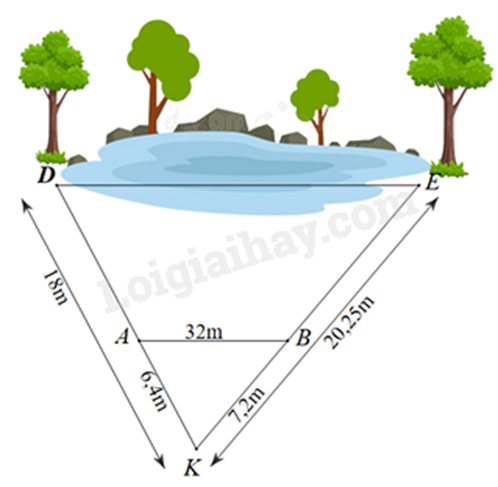
|  |  |
| --- | --- |
| **Loại trái cây** | **Tỉ lệ phần trăm** |
| Cam | ? |
| Xoài | ? |
| Mít | ? |
| Ổi | ? |
| Sầu riêng | ? |

b/ Cho biết cửa hàng bán được tổng cộng 400kg trái cây. Hãy tính số kilôgam sầu riêng cửa hàng đã bán được.

**VDBài 3( 0,5đ).** Bạn Cường vào cửa hàng Loteria và dự định chọn một suất gà rán. Khi đọc menu, bạn Cường thấy cửa hàng đang có các món như sau: combo gà rán *(ưu đãi)* có giá 97 000 đồng, combo gà viên *(ưu đãi)* có giá 84 000 đồng, gà rán 1 miếng có giá 35 000 đồng, gà rán 2 miếng có giá 68 000 đồng, gà rán 3 miếng có giá 105 000 đồng, cánh gà rán hot wings 3 miếng có giá 98 000 đồng. Bạn Cường cảm thấy món nào cũng ngon hết nên dự định nhắm mắt chỉ tay ngẫu nhiên vào một món.

Tính xác suất của biến cố: “Bạn Cường chọn được các món không phải là combo ưu đãi và có giá trên 100 000 đồng”.

**VDC**[**Câu 8**](https://loigiaihay.com/bai-tap-155897.html)**( 1đ) :**Bạn An đo được khoảng cách từ vị trí mình đứng (điểm K) đến cây D và cây E ở hai bên hồ nước lần lượt là KD = 18m và KE = 20,25m. Để tính độ dài DE, An xác định điểm A nằm giữa K, D và điểm B nằm giữa K, E sao cho KA = 6,4m, KB = 7,2m và khoảng cách giữa A và B là 12m.



12m

a/ Chứng minh AB//DE

b/ Tính khoảng cách giữa D và E.

**ĐÁP ÁN**

**I/ TRẮC NGHIỆM: (7điểm) Mỗi câu 0,25 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **ĐA** | **A** | **C** | **C** | **D** | **D** | **D** | **D** | **D** | **D** | **B** | **C** | **A** | **D** | **B** |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **ĐA** | **B** | **B** | **C** | **D** | **D** | **B** | **C** | **A** | **B** | **B** | **C** | **A** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN ( 3đ)**

[**Câu 1**](https://loigiaihay.com/bai-tap-156086.html)**( 0.5đ):**

Xác định được 2 điểm hoặc lập đúng bảng giá trị **(0,25đ)**

Vẽ đúng (**0,25đ)**

Vẽ đồ thị hàm số y = 2x – 1 trên mặt phẳng toạ độ

**Câu 2**

**a/ 0, 5đ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại trái cây** | **Tỉ lệ phần trăm** |
| Cam | 18% |
| Xoài | 24% |
| Mít | 26% |
| Ổi | 12% |
| Sầu riêng | 20% |

**b/** Số kilôgam sầu riêng cửa hàng đã bán được là 20%.400 = 80(kg) **(0, 5đ)**

**Câu 3**

Xác suất của biến cố: “Bạn Cường chọn được các món không phải là combo ưu đãi và có giá trên 100 000 đồng” là  (**0, 5đ)**

[**Câu 4**](https://loigiaihay.com/bai-tap-155897.html)**( 1đ) :**

**có** 



**Vì**

Nên AB//DE( định lí Thales đảo) (**0, 5đ)**

b/ Vì AB// DE

ta có 

hay 

suy ra DE =33,75 cm ( **0, 5đ)**